

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ RẠCH GIÁ
TỈNH KIÊN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 19/2024/DS-ST

Ngày: 17 / 5 / 2024.

V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ RẠCH GIÁ**

Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Thanh Loan - Thẩm phán
- Các hội thẩm nhân dân: 1. Bà Chung Kim Sang
2. Bà Nguyễn Thị Thùy Ngân
- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Tuấn
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Rạch Giá tham gia phiên tòa: Ông Huỳnh Văn Nhân.

Ngày 17 tháng 5 năm 2024. Tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Rạch Giá xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số 02/2024/TLST-DS ngày 08 tháng 01 năm 2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 30/2024/QĐXXST-DS, ngày 12 tháng 4 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Chu Thị Yến N**, sinh năm 1993 (Có mặt)
Địa chỉ: Số 4/85A Kp Thông Chũr, P. Vĩnh Hiệp, VTP. R, tỉnh Kiên Giang.
- Bị đơn: Bà **Nguyễn Thị L**, sinh năm 1964 (Vắng mặt)
Ông **Tạ Minh Đ**, sinh năm 1965 (Vắng mặt)
Địa chỉ: Lô 5- C27 Khu dân cư thu nhập thấp, P. Vĩnh Quang, Rạch Giá, Kiên Giang.
- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Ông **Dương Trường V(Giang)**, sinh năm 1992 (Có mặt)
Địa chỉ: Số 4/85A Kp Thông Chũr, P. Vĩnh Hiệp, VTP. R, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN

*** Nguyên đơn bà Chu Thị Yến N trình bày:** Vào ngày 4/8/2023 vợ chồng ông Tạ Minh Đ và bà Nguyễn Thị L có gặp tôi để vay số tiền 60.000.000 đồng hẹn đến ngày 19/9/2023 sẽ hoàn trả lại số tiền trên. Nhưng đến nay đã quá ngày hẹn trả lại số tiền vợ chồng ông Đ và bà L vẫn không có thiện chí trả lại số tiền đã mượn cho tôi như trong thỏa thuận là ngày 19/9/2023. Sau đó tôi có cho vợ chồng ông Đ, bà L gia hạn thêm 2 tuần từ ngày 20/8/2023 đến ngày 3/9/2023 nhưng ông bà vẫn không trả tiền cho tôi.

Nay tôi yêu cầu vợ chồng ông Tạ Minh Đ và bà Nguyễn Thị L có nghĩa vụ liên đới trả lại số tiền 60.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi suất theo quy định của pháp luật từ ngày vay 4/8/2023 cho đến nay.

*** Tại phiên tòa:** Bà Chu Thị Yến N yêu cầu vợ chồng ông Tạ Minh Đ và bà Nguyễn Thị L có nghĩa vụ liên đới trả lại số tiền 60.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi suất theo quy định của pháp luật (10%/năm) từ ngày 4/9/2023 cho đến nay.

*** Bị đơn ông Tạ Minh Đ và bà Nguyễn Thị L:** Không có ý kiến bằng văn bản theo thông báo thụ lý hợp lệ của Tòa án và cũng không có mặt theo hai lần thông báo hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa của Tòa án.

Tại phiên tòa bị đơn ông Tạ Minh Đ và bà Nguyễn Thị L vắng mặt.

*** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Dương Trường V trình bày:** Thống nhất với ý kiến của nguyên đơn bà Chu Thị Yến N.

*** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Rạch Giá phát biểu:**

- Về thủ tục tố tụng: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, nguyên đơn đã chấp hành đúng trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Riêng bị đơn chưa thực hiện đúng theo quyền và nghĩa vụ tố tụng.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Chu Thị Yến N.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Về thủ tục tố tụng: Các đương sự tranh chấp với nhau về việc vay tài sản. Xác định đây là quan hệ pháp luật “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”. Căn cứ theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự vụ án

thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá. Đối với bị đơn ông Tạ Minh Đ, bà Nguyễn Thị L Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ Nều lần nhưng tại phiên tòa hôm nay tiếp tục vắng mặt không lý do. Căn cứ vào quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 233 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn ông Tạ Minh Đ, bà Nguyễn Thị L nhưng vẫn đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho họ theo quy định pháp luật.

Về nội dung vụ án:

[1] Xét yêu cầu khởi kiện của bà Chu Thị Yến N yêu cầu ông Tạ Minh Đ, bà Nguyễn Thị L có nghĩa vụ thanh toán số tiền nợ gốc 60.000.000 đồng. Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và lời khai của đương sự trong quá trình giải quyết vụ án, có cơ sở xác định: Vào ngày 04/8/2023 ông Tạ Minh Đ và bà Nguyễn Thị L có vay của bà Chu Thị Yến N và ông Dương Trường V số tiền 60.000.000 đồng, hẹn đến ngày 19/9/2023 trả lại; Đến ngày 20/8/2023 ông Tạ Minh Đ và bà Nguyễn Thị L xin gia hạn thêm 02 tuần sẽ trả lại số tiền 60.000.000 đồng cho bà N và ông Vinh. Căn cứ biên nhận ngày 04/8/2023 có chữ ký tên bên vay là bà Nguyễn Thị L và biên nhận ngày 20/8/2023 có chữ ký tên bên vay là ông Tạ Minh Đ và bà Nguyễn Thị L.

[2] Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, bị đơn ông Tạ Minh Đ, bà Nguyễn Thị L Đ Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng, thể hiện rõ nội dung vụ án và yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Chu Thị Yến N. Tuy Nên, bị đơn vắng mặt không lý do và cũng không cung cấp lời khai, ý kiến của mình đối với yêu cầu của nguyên đơn. Như vậy, bị đơn đã không tự bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình và không đưa ra chứng cứ gì để chứng minh đối với yêu cầu của nguyên đơn. Do đó, bị đơn phải chịu hậu quả về việc không chứng minh Đ. Tòa án căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để xem xét, giải quyết yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[3] Theo quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015 thì: “Hợp đồng vay tài sản là sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó bên cho vay giao tài sản cho bên vay; khi đến hạn trả, bên vay phải hoàn trả cho bên cho vay tài sản cùng loại theo đúng số lượng, chất lượng và chỉ phải trả lãi nếu có thỏa thuận hoặc pháp luật có quy định”. Và tại khoản 1 Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015 thì: “Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn...” Quá trình thực hiện hợp đồng vay tài sản nguyên đơn đã giao tài sản cho bị đơn nhưng cho đến nay bị đơn chưa thanh toán tiền đủ cho nguyên đơn.

[4] Về lãi suất: Tại đơn khởi kiện nguyên đơn yêu cầu tính lãi theo lãi suất quy định của pháp luật từ ngày 04/8/2023 đến nay đối với số tiền 60.000.000 đồng. Xét thấy, tại 02 biên nhận đề ngày 04/8/20023 và ngày 20/8/2023 không có ghi lãi suất cho vay, bị đơn chưa trả lãi lần nào cho nguyên đơn nên không có căn cứ xác định lãi suất

vay hai bên thỏa thuận là bao Nêu. Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn yêu cầu tính lãi suất 10%/năm từ ngày 4/9/2023 cho đến nay (17/5/2024). Do đó, căn cứ khoản 2 Điều 468 BLDS tiền lãi Đ tính như sau:

$60.000.000 \text{ đồng} \times 0,83\% \times 8 \text{ tháng} + 13 \text{ ngày} = 4.199.800 \text{ đồng}$

Tổng cộng gốc và lãi là: 64.199.800 đồng

[5] Về án phí: Căn cứ Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì ông Tạ Minh Đ và bà Nguyễn Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm với số tiền là: 3.209.990 đồng (64.199.800 đồng x 5%)

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, khoản 2 Điều 91, Điều 147, Điều 266, Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228, Điều 233 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Áp dụng Điều 463, Điều 466, Điều 470, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Chu Thị Yến N đối với ông Tạ Minh Đ, bà Nguyễn Thị L về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

2. Buộc ông Tạ Minh Đ, bà Nguyễn Thị L phải trả cho bà Chu Thị Yến N số tiền 64.199.800 đồng (Sáu mươi bốn triệu một trăm chín mươi chín ngàn tám trăm đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người Đ thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi trên số tiền cần phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

3. Về án phí: ông Tạ Minh Đ, bà Nguyễn Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm giá ngạch là 3.209.990 đồng.

Trả lại cho bà Chu Thị Yến N tiền tạm ứng án phí đã nộp số tiền 1.500.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0004903 ngày 22/12/2023 của Chi cục thi hành án thành phố Rạch Giá.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Riêng bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận Đ bản án hoặc Đ niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- VKSND TP.Rạch Giá
- TAND Tỉnh Kiên Giang
- VKSND Tỉnh Kiên Giang
- CQTHA TP.Rạch Giá
- Các đương sự
- Lưu hồ sơ.

Phạm Thị Thanh Loan